

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN KRÔNG NĂNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 05/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 05 - 2022

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Nghị và ông Lê Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2022/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về “Yêu cầu không công nhận quan hệ như vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Á (sinh năm 1978, có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị T (sinh năm 1983, vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Á trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, ông và bà T chung sống với nhau hòa thuận cho đến thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau. Do hiện nay giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà T là vợ, chồng.

Về con chung: Ông và bà T có 03 con chung là Trần Thu Th (sinh năm 2000), Trần Thị Lục N (sinh năm 2012) và Trần Lê Lợi Th1 (sinh năm 2020). Đối với cháu Trần Thu Th đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi cháu Th. Đối với cháu N và cháu Th1 thì ông và bà T đã thống nhất giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu xem xét trách nhiệm cấp dưỡng.

Về phân chia tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 25/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà công nhận bà và ông Trần Á chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, bà và ông Á chung sống với nhau hòa thuận cho đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách hai người không hợp nhau. Do hiện nay giữa hai người đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông Á yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà và ông Á là vợ, chồng thì bà chấp nhận.

Về con chung: Bà công nhận bà và ông Á có 03 con chung là Trần Thu Th (sinh năm 2000), Trần Thị Lục N (sinh năm 2012) và Trần Lê Lợi Th1 (sinh năm 2020). Đối với cháu Trần Thu Thảo đã trên 18 tuổi nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi cháu Th. Đối với cháu N và cháu Th1 thì bà đề nghị giao cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu xem xét trách nhiệm cấp dưỡng.

Về phân chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi đến Tòa án để làm bản tự khai và tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ thì bà Tư đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Trần Á và bà Lê Thị T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do hai người phát sinh mâu thuẫn không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung như vợ chồng được nữa nên ông Á đã khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận ông và bà T là vợ, chồng và giải quyết trách nhiệm nuôi con chung. Như vậy, tranh chấp giữa ông Á với bà T là “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Á và bà T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân có thẩm quyền là trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Nay ông Á có yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với bà T. Xét tình cảm giữa ông Á và bà T không còn và hai người cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy HĐXX xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận ông Á và bà T là vợ, chồng.

- Về con chung: Ông Á và bà Tư có 03 con chung là Trần Thu Th (sinh năm

2000), Trần Thị Lục N (sinh năm 2012) và Trần Lê Lợi Th1 (sinh năm 2020). Đối với cháu Th đã trên 18 tuổi nên Tòa án không xem xét, giải quyết về trách nhiệm nuôi cháu Th. Đối với cháu N và cháu Th1 thì quá trình giải quyết các đương sự đã thống nhất đề nghị giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu xem xét trách nhiệm cấp dưỡng. Xét ý kiến của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận

- Về phân chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả ông Á và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Ông Á là người có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Trần Á và bà Lê Thị T là vợ, chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Lục N (sinh năm 2012) và Trần Lê Lợi Th1 (sinh năm 2020) cho bà Lê Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Trần Á không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho bà T và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không được ai cản trở.

3. Về án phí: Ông Trần Á phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số 60AA/2021/0008880 ngày 16 tháng 3 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Ngọc San